**Toán**

**TÌM HAI SỐ KHI BIẾT TỔNG VÀ HIỆU CỦA HAI SỐ ĐÓ ( 2 TIẾT)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Năng lực giải quyết vấn đề toán học: Giải được bài toán “Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó”.

- Năng lực mô hình hóa toán học: Vận dụng giải quyết mộ số vấn đề thực tiễn đơn giản.

**2. Năng lực chung.**

- Tự chủ và tự học: Học sinh tích cực, chủ động suy nghĩ để thực hành tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.

- Giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận với bạn bè về các cách tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đề xuất được các cách tìm shai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó trong thực tế cuộc sống.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ học tập, tự giác suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**- Giáo viên**: Phiếu học tập, hình vẽ SGK, bảng phụ.

- **Học sinh**: SHS, vbt, các đồ dùng học tập cần thiết.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động dạy** | | | **Hoạt động học** | | |
| **TIẾT 1:**  **1. Hoạt động khởi động**  *\* Mục tiêu:*  - Cho học sinh ổn định tổ chức đầu giờ, tạo tâm thế vui tươi, phấn khởi và kết nối với bài học.  - Khởi động: Tạo ra tình huống và phát triển được các NL: Đặt vấn đề tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó; Qua đây HS phát triển được các NL đó là NL giao tiếp toán học.  - Kết nối: Giới thiệu bài mới **Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.**  *\* Cách thực hiện: Quan sát tranh vẽ SGK* | | | | | |
| - Cho HS xem tranh khởi động. Hoạt động nhóm theo bàn và nói với bạn về những điều quan sát được từ bức tranh.  - Tìm số bạn nam và số bạn nữ khi biết: “Tổng cộng có 18 bạn và số bạn nam nhiều hơn số bạn nữ là 4 bạn” | | - HS làm nhóm đôi - chia sẻ lớp  - HS thảo luận tìm giải pháp.  + Nếu số bạn của 2 nhóm là bằng nhau, thì số người của mỗi nhóm là:  18 : 2 = 9 (bạn)  + Số nam và số nữ chênh lệch nhau là 4 bạn. Nếu “ngắt bỏ” sự chênh lệch này thì số bạn của 2 nhóm cũng sẽ đều nhau. Muốn “ngắt bỏ” ta làm phép trừ, lấy 18 – 4, khi đó số người của mỗi nhóm là:  (18 – 4) : 2 = 7 (bạn)  + Vẽ sơ đồ đoạn thẳng minh họa. | | | |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức**  *\* Mục tiêu*:  - Hiểu được cách tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.  - Tìm được hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.  - Các NL được phát triển qua hoạt động này gồm: NL giao tiếp toán học; NL tư duy và lập luận toán học; NL mô hình hóa toán học.  *\* Cách thực hiện*: | | | | | |
| **-** GV dẫn dắt HS giúp HS thảo luận tìm kiếm giải pháp:  + Mô hình hóa toán học tình huống đã cho trong bài “Tổng của hai số là 18. Hiệu của hai số là 4. Tìm hai số đó”. Vẽ sơ đồ đoạn thẳng minh họa.  + GV dẫn dắt giúp HS thảo luận tìm kiếm giải pháp:  ***Cách 1***: Nếu bớt 3 bạn nam thì số bạn nam bằng số bạn nữ. Vậy:  Số bạn nữ là: (18 – 4) : 2 = 7 (bạn)  Số bạn nam là: 7 + 4 = 11 (bạn)  ***Cách 2***: Nếu thêm 4 bạn nữ thì số bạn nữ bằng số bạn nam. Vậy:  Số bạn nam là: (18 + 4) : 2 = 11 (bạn)  Số bạn nữ là: 11 – 4 = 7 (bạn)  - GV giới thiệu: Bài toán dạng nêu trên gọi là dạng toán: “Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó”. | | | | - HS đọc thông tin trong SGK, chia sẻ với bạn cùng nhóm.  - HS theo dõi.  - HS lắng nghe | |
| **3. Hoạt động thực hành, luyện tập.** | | | | | |
| *\* Mục tiêu*:  - Tìm được hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.  - Vận dụng giải quyết mộ số vấn đề thực tiễn đơn giản.  - Các NL được phát triển qua hoạt động này đó là: NL tư duy và lập luận toán học; NL mô hình hóa toán học và NL giao tiếp toán học.  *\* Cách thực hiện*: Cá nhân, trao đổi nhóm đôi, chia sẻ trước lớp. | | | | | |
| **Bài 1: Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của 2 số đó.**  - Gọi HS nêu yêu cầu của bài.  - GV yêu cầu HS vận dụng cách tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đã học để tìm mỗi số.  - GV yêu cầu HS đổi vở chữa bài nói cho bạn nghe cách làm.  - GV chốt lại: *Muốn tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó ta có thể thực hiện theo một trong hai cách sau:*  ***Cách 1****: Số bé = (tổng – hiệu) : 2*  ***Cách 2****: Số lớn = (tổng + hiệu) : 2*  **TIẾT 2:**  **Bài 2:**  - Gọi HS nêu yêu cầu của bài:  + Bài toán cho biết gì  + Bài toán hỏi gì  - GV yêu cầu HS suy nghĩ, lựa chọn cách giải và trình bày bài giải.  - GV yêu cầu HS đổi vở, chữa bài và nói cho bạn nghe cách làm và trình bày bài giải.  **Bài 3:**  - GV yêu cầu HS đọc bài toán, nhận biết bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì. HS suy nghĩ lựa chọn cách giải và trình bày bài giải.  - GV mời 1 HS lên trình bày trên bảng phụ, gọi 1-2 HS nhận xét.  - GV nhận xét, chữa bài cho HS | - 1 HS nêu yêu cầu.  - HS thực hiện vào vở bài tập:  *a. Tổng là 63, hiệu là 17. Hai số cần tìm là: (63 – 17) : 2 = 23 và 23 + 17 = 40.*  *b. Tổng là 29, hiệu là 21. Hai số cần tìm là: (29 – 21) : 2 = 4 và 4 + 21 = 25.*  *c. Tổng là 26, hiệu là 6. Hai số cần tìm là: (26 + 6) : 2 = 16 và 16 - 6 = 10.*  *d. Tổng là 58, hiệu là 38. Hai số cần tìm là: (58 + 38) : 2 = 48 và 48 - 38 = 10.*  - HS thực hiện  - HS lắng nghe  - HS thực hiện:  + Có 12 chiếc bút gồm bút đen và bút xanh; số bút đen ít hơn bút xanh 4 chiếc.  + Trong hộp có bao nhiêu chiếc bút mỗi loại?  ***Bài giải***  Số bút đen là:  (12 – 4) : 2 = 4 (bút đen)  Số bút xanh là:  4 + 4 = 8 (bút xanh)  Đáp số: 4 bút đen, 8 bút xanh.  - HS thực hiện  ***Bài giải***  Tuổi của bố là:  (65 + 5) : 2 = 35 (tuổi)  Tuổi của mẹ là:  35 – 5 = 30 (tuổi)  Đáp số: 35 tuổi và 30 tuổi.  - HS thực hiện  - HS lắng nghe | | | | |
| **4. Hoạt động vận dụng** | | | | | |
| \* *Mục tiêu*:  - Thực hiện được cách giải bài toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.  - Các NL được phát triển qua hoạt động này đó là: NL tư duy và lập luận toán học; NL mô hình hóa toán học và NL giao tiếp toán học.  *\* Cách thực hiện*: Cá nhân, chia sẻ trước lớp. | | | | | |
| **Bài 4:**  **-** GV dẫn dắt HS giúp HS thảo luận tìm kiếm giải pháp:  + Mô hình hóa toán học tình huống đã cho trong bài “Tổng số tiền phải trả của 2 người là 500 000 đồng. Tiền vé người lớn nhiều hơn tiền vé trẻ em là 100 000 đồng. Tìm giá vé của mỗi người”. Vẽ sơ đồ đoạn thẳng minh họa.  - GV dẫn dắt giúp HS thảo luận tìm kiếm giải pháp và trình bày bài giải.  ***\* Củng cố, dặn dò***.  - Qua bài học hôm nay em biết thêm được điều gì?  - Về nhà, các em đọc lại cách giải dạng toán: “Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó”.  - Tìm tình huống thực tế liên quan đến dạng toán “Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó”, hôm sau chia sẻ với các bạn.  - Nhận xét tiết học.  - Chuẩn bị bài sau: *Luyện tập chung.* | | | | | - HS đọc thông tin trong SGK, chia sẻ với bạn cùng nhóm.  ***Bài giải***  Giá vé ngày cuối tuần của người lớn là: (500 000 + 100 000) : 2 = 300 000 (đồng)  Giá vé ngày cuối tuần của trẻ em là:  300 000 – 100 000 = 200 000 (đồng)  Đáp số: Giá vé người lớn: 300 000 đồng và giá vé trẻ em: 200 000 đồng.   * Nối tiếp trả lời * - Lắng nghe |

**------------------------------------------------------------------------------------------------- Toán**

**LUYỆN TẬP CHUNG (2 TIẾT)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Năng lực tư duy và lập luận toán học: Luyện tập, củng cố, rèn kĩ năng giải các bài toán “Tìm số trung bình cộng” và “Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó”.

- Năng lực giải quyết vấn đề toán học: Vận dụng giải quyết một số vấn đề thực tiễn đơn giản.

**2. Năng lực chung.**

- Tự chủ và tự học: Học sinh tích cực, chủ động suy nghĩ để giải các bài tập.

- Giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận với bạn bè về các cách giải các bài toán về “Tìm số trung bình cộng” và “Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó”.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đề xuất được các cách giải khác nhau đối với bài toán về “Tìm số trung bình cộng” và “Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó”.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ học tập, tự giác suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**- Giáo viên**: Phiếu học tập, hình vẽ SGK.

- **Học sinh**: SHS, vbt, các đồ dùng học tập cần thiết.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG DẠY** | **HOẠT ĐỘNG HỌC** |
| **TIẾT 1:**  **A. Hoạt động mở đầu** | |
| *\* Mục tiêu:*  - Cho học sinh ổn định tổ chức đầu giờ, tạo tâm thế vui tươi, phấn khởi và kết nối với bài học.  - Khởi động: Ôn lại các kiến thức đã học và phát triển được các NL: Cách  Tìm số trung bình cộng; Cách tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó theo 2 cách; Qua đây HS phát triển được các NL đó là NL giao tiếp toán học.  - Kết nối: Giới thiệu bài mới **Luyện tập chung**.  *\* Cách thực hiện:* Cá nhân | |
| - ***Ổn định tổ chức***: Cho HS hát “ Em học toán”.  - ***Khởi động***: Yêu cầu HS quan sát câu hỏi và trả lời.  + Nêu cách tìm số trung bình cộng?  + Nêu tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó theo 2 cách?  + Hãy nêu 1 ví dụ tìm số trung bình cộng của 3 số?  - GV và HS nhận xét, khen những HS có câu trả lời tốt, động viên những bạn chưa đưa ra câu trả lời chưa chính xác.  - ***Kết nối***: Bài học hôm nay các em sẽ được luyện tập chung, củng cố kĩ năng tìm số trung bình cộng; tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.  - **GV ghi bảng**: *Luyện tập chung* | - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ  - HS lắng nghe  + Lấy số đó nhân với số đã cho.  + HS trả lời.  + HS trả lời.  - HS nhắc nối tiếp đầu bài và ghi vào vở.  - HS lắng nghe |
| **B. Hoạt động luyện tập, thực hành**  **\* Mục tiêu:**  - Luyện tập chung, củng cố kĩ năng tìm số trung bình cộng; tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.  - Vận dụng được cách tìm số trung bình cộng; tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó vào thực tế cuộc sống.  - Qua hoạt động này HS hình thành và phát các NL toán học sau: NL tư duy và lập luận, NL giao tiếp, NL giải quyết các vấn đề.  *\* Cách thực hiện:* cá nhân, nhóm 2, chia sẻ. | |
| **Bài 1:**  - GV gọi HS nêu yêu cầu của bài tập.  - Bài toán cho gì?  - Bài toán hỏi gì?  - GV gọi HS nhắc lại cách tính nhân phân số với một số để giải bài toán.  - Yêu cầu HS thực hiện vào vở bài tập, 1 HS lên bảng làm vào bảng phụ.  - GV yêu cầu 1-2 HS nhận xét bài bạn.  - GV chốt đáp án và nhận xét.  - GV tổng kết: Qua bài này chúng ta đã ôn tập, củng cố các kĩ năng về tìm số trung bình cộng.  **Bài 2:**  - Gọi HS nêu yêu cầu của bài.  +Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì?  - Yêu cầu HS dựa vào hướng dẫn và hoàn thành bài tập.  - GV yêu cầu HS làm vào vở và chia sẻ trước lớp cách làm của mình  - GV gọi HS nhận xét và chữa bài.  **Bài 3: Số?**  **-**  Gọi HS nêu yêu cầu của bài.  - GV yêu cầu HS nhắc lại dạng toán: “ Đây là dạng toán gì?”  - Yêu cầu HS dựa vào hướng dẫn và hoàn thành bài tập theo nhóm đôi.  - GV yêu cầu đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp cách làm của mình  - GV gọi các nhóm nhận xét và chữa bài.  - GV chốt đáp án, nhận xét các nhóm  **TIẾT 2:**  **Bài 4:**  - Gọi HS nêu yêu cầu của bài.  + Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì?  - Yêu cầu HS dựa vào hướng dẫn và hoàn thành bài tập.  - GV yêu cầu 1 – 2 học sinh chia sẻ trước lớp cách làm của mình.  - GV gọi các nhóm nhận xét và chữa bài.  - GV nhận xét các nhóm  **Bài 5:**  - Gọi HS nêu yêu cầu của bài.  + Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì?  - Yêu cầu HS dựa vào hướng dẫn và hoàn thành bài tập.  - GV yêu cầu HS chia sẻ trước lớp cách làm của mình  - GV gọi HS nhận xét và chữa bài.  - GV nhận xét, rút kinh nghiệm. | - HS nêu yêu cầu của bài tập.  - Bảo cao 131 cm, Thư cao 130 cm, Long cao 135 cm và Hoài cao 140 cm.  - Tính chiều cao trung binh của 4 bạn.  - HS thực hiện:  ***Bài giải***  Tổng chiều cao của bốn bạn là:  131 + 130 + 135 + 140 = 536 (cm)  Chiều cao trung bình của mỗi bạn là:  536 : 4 = 134 (cm)  Đáp số: 134 cm.  - HS nhận xét  - HS lắng nghe  - HS trả lời  - HS thực hiện:  ***Bài giải***  Tổng số cây cả bốn khối lớp trồng được là:  183 + 209 + 216 + 240 = 848 (cây)  Trung bình mỗi khối trồng được số cây là:  848 : 4 = 212 (cây)  Đáp số: 212 cây.  - HS chú ý nghe, chữa bài vào vở.  - HS nêu yêu cầu bài: Tìm số tương ứng trong các ô ?  - Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.  - HS làm bài nhóm đôi.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Tổng của hai số** | **Hiệu của hai số** | **Số bé** | **Số lớn** | | 135 | 47 | 44 | 91 | | 518 | 236 | 141 | 377 |     - HS chú ý nghe, chữa bài vào vở.  - HS nêu ý kiến cá nhân  - HS thực hiện vào vở  ***Bài giải***  Số từ tiếng Anh bạn Lực đã sưu tầm được là: (87 + 5) : 2 = 46 (từ)  Số từ tiếng Anh bạn Duyên đã sưu tầm được là: 46 – 5 = 41 (từ)  Đáp số: 46 từ và 41 từ    - HS nêu ý kiến cá nhân  - HS thực hiện vào vở  ***Bài giải***  Số cổ động viên của lớp 4A là:  (47 – 5) : 2 = 21 (bạn)  Số cổ động viên của lớp 4B là:  21 + 5 = 26 (bạn)  Đáp số: Lớp 4A: 21 bạn  Lớp 4B: 26 bạn  - HS lắng nghe, chữa bài vào vở |
| **D. Hoạt động vận dụng** | |
| \* *Mục tiêu*:  - HS có thể chơi trò chơi “*Ai nhanh hơn*” vận dụng các kiến thức đã học về số trung bình cộng để giải quyết bài tập.  - Qua hoạt động này HS có thể phát triển được các NL: NL tư duy toán học, NL mô hình hóa toán học và giao tiếp toán học.  *\* Cách thực hiện:* Nhóm | |
| **Bài 6:**  - GV yêu cầu HS đọc, nhận xét, phân tích tình huống nêu trong bài:  - GV Hướng dẫn gợi ý và phổ biến luật chơi, ai giơ tay nhanh nhất và trả lời chính xác sẽ được thưởng 1 tràng pháo tay và được ghi danh vào bảng thành viên tích cực tuần 10.    - GV mời nhận xét, GV nhận xét.  ***\* Củng cố, dặn dò***.  - Qua bài học hôm nay em biết thêm được điều gì?  - Để có thể làm tốt các bài tập trên, em nhắn bạn điều gì? | - HS thực hiện  - HS chơi trò chơi.  ***+*** HS nhận biết câu hỏi và suy nghĩ lựa chọn phương án giải quyết vấn đề rồi trình bày câu trả lời: “Đức nghĩ mình cao 140 cm nên không có chỗ nào ngập đầu mình cả. Đức nghĩ như vậy không chính xác, vì có thể có chỗ độ sâu của bể bơi nhiều hơn 140 cm”.  - HS chú ý nghe, nhận xét. |

**---------------------------------------------------------------------------------------------------**

**Toán**

**NHÂN VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ (2 TIẾT)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù:**

**-** Biết cách đặt tính và thực hiện được nhân số có nhiều chữ số với số có một chữ số.

- Vận dụng vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập. Xác định nhiệm vụ của nhóm, trách nhiệm của bản thân đưa ra ý kiến đóng góp hoàn thành nhiệm vụ của chủ đề.

- Năng lực giải quyết vấn đề: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống

- Tư duy lập luận toán học.

**3. Phẩm chất:**

- Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.

- Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.

- Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.

- Nhân ái, tôn trọng, giúp đỡ bạn cùng tiến bộ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC**

- GV: Phiếu học tập, tranh hoạt động khởi động

- HS: Vở ô li

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **TIẾT 1** | |
| **1. Hoạt động mở đầu: Khởi động, kết nối**  *\* Mục tiêu:* Ôn lại cách thực hiện phép tính nhân với số có một chữ số (đã học ở lớp 3)  *\* Cách tiến hành:* | |
| - Mời 1 HS lên bảng ôn ại cách thực hiện phép nhân với số có một chữ số (đã học ở lớp 3)  - GV quan sát  - GV chiếu tranh cho HS quan sát  - GV chia sẻ, dẫn dắt vào bài mới. | - 1 HS lên bảng ôn ại cách thực hiện phép nhân với số có một chữ số (đã học ở lớp 3), các HS còn lại thực hiện ra nháp và chia sẻ với bạn cách thực hiện.  - HS quan sát tranh, suy nghĩ tìm cách làm |
| **2. Hoạt động Hình thành kiến thức**  \* Mục tiêu: Biết cách thực hiện phép nhân số có nhiều chữ số với số có một chữ số.  \* Cách tiến hành: | |
| **\* Phép nhân 137 206 x 3**  - GV viết lên bảng phép nhân: 137 206 x 3      + Khi thực hiện phép nhân này, ta phải thực hiện tính bắt đầu từ đâu?  - Yêu cầu HS tính. Nếu trong lớp có HS tính đúng thì GV yêu cầu HS đó nêu cách tính của mình, sau đó GV nhắc lại cho HS cả lớp ghi nhớ. Nếu trong lớp không có HS nào tính đúng thì GV hướng dẫn HS tính theo từng bước như SGK.  Vậy 137 206 x 3 = 411 618  - GV chốt lại các bước thực hiện phép tính.  + Đặt tính  + Thực hiện tính lần lượt từ trái sang phải (nêu cách tính)  + Viết kết quả  **\* GV cho HS thực hiện Phép nhân 156 219 x 5**  - GV viết lên bảng phép nhân: 156 219 x 5  - GV yêu cầu HS đặt tính và thực hiện phép tính vào bảng con  - Yêu cầu HS nêu cách thực hiện phép tính  - GV chốt kết quả đúng  **- Yêu cầu HS làm phép nhân 351 539 x 8 ra nháp và nói cho bạn nghe cách làm**  - GV nhận xét và chốt lại kiến thức về nhân số có nhiều chữ số với số có một chữ số. | **Cá nhân- Nhóm- Lớp**  - HS đọc: 137 206 x 3  - HS lên bảng đặt tính, HS cả lớp đặt tính vào giấy nháp, sau đó nhận xét cách đặt tính trên bảng của bạn.  - Ta bắt đầu tính từ hàng đơn vị, sau đó đến hàng chục, hàng trăm, hàng nghìn, hàng chục nghìn, hàng trăm nghìn (tính từ phải sang trái).  137 206 \* 3 nhân 6 bằng 18, viết 8, nhớ 1.  x 3 \* 3 nhân 0 bằng 0, thêm 1 bằng 1, viết 1.  411 618 \* 3 nhân 2 bằng 6, viết 6.  \* 3 nhân 7 bằng 21, viết 1, nhớ 2.  \* 3 nhân 3 bằng 9, thêm 2 bằng 11, viết 1, nhớ 1.  \* 3 nhân 1 bằng 1, thêm 1 bằng 4, viết 4.    - HS lắng nghe  - HS đọc: 156 219 x 5  - 1 HS thực hiện vào bảng con  - HS nêu cách thực hiện phép tính  156 219 \* 5 nhân 9 bằng 45, viết 5, nhớ 4.  x 5 \* 5 nhân 1 bằng 5, thêm 4 bằng 9,viết 9  781 095 \* 5 nhân 2 bằng 10, viết 0, nhớ 1.  \* 5 nhân 6 bằng 30, thêm 1 bằng 31, viết 1 nhớ 3.  \* 5 nhân 5 bằng 25, thêm 3 bằng 28, viết 8 nhớ 2.  \* 5 nhân 1 bằng 5, thêm 2 bằng 7, viết 7  - HS làm phép nhân 351 539 x 8 ra nháp và nói cho bạn nghe cách làm.  - HS lắng nghe  - HS lấy VD về phép nhân với số có một chữ số và thực hiện đặt tính rồi tính |
| **3. Hoạt động thực hành, luyện tập**  *\* Mục tiêu:* HS thực hiện thành thạo phép nhân số có nhiều chữ số với số có một chữ số.  *\* Cách tiến hành:* | |
| ***Bài 1: Tính***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Yêu cầu HS tính rồi viết kết quả của phép tính  - GV quan sát hỗ trợ khi cần thiết  - Gọi HS nhận xét, bổ sung, sửa bài (nếu cần).  - GV chốt đáp án.  - Củng cố cách đặt tính và thực hiện phép nhân.  ***Bài 2: Đặt tính rồi tính***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Yêu cầu HS làm vào vở bài tập  - Gọi HS nhận xét, bổ sung, sửa bài (nếu cần).  - GV chốt đáp án.  **\* KL:** Củng cố cách thực hiện phép nhân số có nhiều chữ số với số có một chữ số. | - HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - 1 HS làm bảng phụ - lớp tính vào phiếu học tập  - Đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe  - HS lắng nghe  - HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - HS làm vào vở bài tập – 1 HS làm bảng phụ  - Đổi chéo bài, đánh giá  - HS lắng nghe |
| **TIẾT 2** | |
| **Bài 3: Số?**  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Yêu cầu HS làm bài nhóm đôi vào phiếu học tập  - GV chữa bài, chốt đáp án, chỉnh sửa các lỗi đặt tính và tính cho HS.  **Bài 4: Tính giá trị của mỗi biểu thức sau:**  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập, nhớ lại quy tắc tính giá trị biểu thức số trong trường hợp có hoặc không có dấu ngoặc, suy nghĩ lựa chọn cách làm, trao đổi với bạn để tìm câu trả lời.  - GV chữa bài, chốt đáp án, chỉnh sửa lỗi cho HS.  - GV giới thiệu thuật tính: *Khi nhân một số với một hiệu, ta có thể lần lượt nhân số đó với từng số hạng của tổng, rồi cộng kết quả với nhau.*  **Bài 5:**  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập  - GV chia sẻ, chốt cách giải | - HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - HS làm bài nhóm đôi vào phiếu học tập  - Chia sẻ làm cho bạn nghe, đánh giá  - HS lắng nghe  - HS đọc và nhớ lại  - HS suy nghĩ lựa chọn cách làm - làm bài nhóm 4  - HS lắng nghe  - HS đọc yêu cầu bài tập. Nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì?  - HS làm bài cá nhân vào vở  - Trao đổi vở, chia sẻ bài làm  - HS kiểm tra lại câu trả lời, phép tính, lưu ý khi làm bài. |
| **4. Hoạt động vận dụng**  *\*Mục tiêu:*  - Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  - Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  *\* Cách tiến hành* | |
| **Bài 6:**  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập  - Cho HS quan sát bảng vé  *- Lưu ý: Không yêu cầu HS trình bày bài giải mà chỉ cần trả lời câu hỏi.*  *\* Củng cố, dặn dò:*  - Qua bài học hôm nay, các em biết thêm được điều gì?  - Khi đặt tính và tính, cần lưu ý những gì?  - Liên hệ về nhà, các em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép tính đã học, đặt ra bài toán cho mỗi tình huống đó, hôm sau chia sẻ với bạn. | - HS đọc yêu cầu, quan sát bảng vé, thảo luận nhóm 2 tính tiền vé  - HS liên hệ thực tế tính xem nếu gia đình mình đi tham quan tại khu du lịch đó thì cần trả bao nhiêu tiền vé.  - HS nói theo ý hiểu  - HS ghi nhớ |

**Toán**

**NHÂN VỚI SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ (2 TIẾT )**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù:**

**-** Biết cách đặt tính và thực hiện được nhân số có nhiều chữ số với số có hai chữ số.

- Vận dụng vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập. Xác định nhiệm vụ của nhóm, trách nhiệm của bản thân đưa ra ý kiến đóng góp hoàn thành nhiệm vụ của chủ đề.

- Năng lực giải quyết vấn đề: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào bài tập và thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.

- Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.

- Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.

- Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, phát huy ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC**

- GV: Một số hình huống đơn giản có liên quan đến phép nhân số có nhiều chữ số với số có hai chữ số.

- HS: Vở ô li

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **TIẾT 1** | |
| **1. Hoạt động mở đầu: Khởi động, kết nối**  *\* Mục tiêu:* Ôn lại cách thực hiện phép tính nhân với số có một chữ số (đã học ở bài trước).  *\* Cách tiến hành:* | |
| - Yêu cầu HS tự lấy một phép tính nhân với số có một chữ số  - Cho HS xem tranh khởi động. Yêu cầu suy nghĩ tìm ra cách làm  - GV giới thiệu, dẫn vào bài mới | - HS tự viết một phép tính nhân với số có một chữ số vào bảng con.  - Nêu cách thực hiện phép tính của mình.  - HS xem tranh khởi động, suy nghĩ tìm ra cách làm |
| ***2. Hoạt động Hình thành kiến thức***  *\* Mục tiêu:* Biết cách nhân với số có hai chữ số  *\* Cách tiến hành:* | |
| **\* Phép nhân 25 x 53**  - GV viết lên bảng phép nhân:  25 x 53  - Giáo viên chốt các bước thực hiện tính 25 x 53  + Đặt tính  + Thực hiện tính lần lượt từ phải sang trái  - Nêu một phép tính khác cho HS làm vào bảng con  - Giáo viên chốt các bước thực hiện tính  + Đặt tính  + Thực hiện tính lần lượt từ trái sang phải (nêu cách tính)  + Viết kết quả  **\* GV cho HS thực hiện Phép nhân 135 279 x 38**  - GV viết lên bảng phép nhân: 135 279 x 38  - GV yêu cầu HS đặt tính và thực hiện phép tính vào bảng con  - Yêu cầu HS nêu cách thực hiện phép tính  - GV chốt kết quả đúng  - GV nhận xét và chốt lại kiến thức về nhân số có nhiều chữ số với số có hai chữ số. | **Cá nhân – Nhóm - Lớp**  - HS đọc: 25 x 53  - HS thảo luận nhóm 2 cách đặt tính và tính. Đại diện nhóm nêu cách làm  - HS đọc 135 279 x 38  - HS làm vào bảng con  - Trao đổi cách đặt tính và tính  - HS nêu  - HS lắng nghe  - HS lấy VD về phép nhân với số có 2 chữ số và thực hiện đặt tính rồi tính |
| **3. Hoạt động thực hành, luyện tập**  *\* Mục tiêu:* HS thực hiện thành thạo phép nhân số có nhiều chữ số với số có hai chữ số.  *\* Cách tiến hành:* | |
| ***Bài 1: Tính***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Yêu cầu HS tính rồi viết kết quả của phép tính  - GV quan sát hỗ trợ khi cần thiết  - Gọi HS nhận xét, bổ sung, sửa bài (nếu cần).  - GV chốt đáp án.  - Củng cố cách đặt tính và thực hiện phép nhân. | - HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - 1 HS làm bảng phụ - lớp tính vào phiếu học tập cá nhân  - Đổi phiếu học tập kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe  - HS lắng nghe |
| **TIẾT 2** | |
| ***Bài 2: Đặt tính rồi tính***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Yêu cầu HS làm vào vở bài tập  - Gọi HS nhận xét, bổ sung, sửa bài (nếu cần).  - GV chốt đáp án.  **\* KL:** Củng cố cách thực hiện phép nhân số có nhiều chữ số với số có hai chữ số.  **Bài 3:**  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập  - GV chia sẻ, chốt cách giải  **Bài 4:**  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập  - GV chữa bài, chốt đáp án, chỉnh sửa các lỗi đặt tính và tính cho HS. | - HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - HS làm vào vở bài tập – 1 HS làm bảng phụ  - Đổi chéo bài, đánh giá  - HS lắng nghe  - HS đọc yêu cầu bài tập. Nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì?  - HS làm bài cá nhân vào vở - 1 HS làm bảng phụ. Trao đổi vở, chia sẻ bài làm  - HS trình bày bài làm, lớp chia sẻ.  - HS kiểm tra lại câu trả lời, phép tính, lưu ý khi làm bài.  - HS đọc yêu cầu bài tập. Nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì?  - HS làm bài cá nhân vào vở  - Trao đổi vở, chia sẻ bài làm  - HS kiểm tra lại câu trả lời, phép tính, lưu ý khi làm bài. |
| **4. Hoạt động vận dụng**  *\*Mục tiêu:*  - Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  - Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  *\* Cách tiến hành* | |
| **Bài 5:**  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập  - GV chữa bài, chốt đáp án, chỉnh sửa các lỗi đặt tính và tính cho HS.  *\* Củng cố, dặn dò:*  - Qua bài học hôm nay, các em biết thêm được điều gì?  - Khi đặt tính và tính, cần lưu ý những gì?  - Liên hệ về nhà, các em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép tính đã học, đặt ra bài toán cho mỗi tình huống đó, hôm sau chia sẻ với bạn. | - HS đọc yêu cầu bài tập. Nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì?  - HS làm bài cá nhân vào vở  - Trao đổi vở, chia sẻ bài làm  - HS kiểm tra lại câu trả lời, phép tính, lưu ý khi làm bài.  - HS nói theo ý hiểu  - HS ghi nhớ |

**-----------------------------------------------------------**

**Toán**

**LUYỆN TẬP (2 TIẾT)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù:**

**-** Rèn kĩ năng thực hiện phép nhân với số có hai chữ số.

- Vận dụng vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu cách thực hiện phép nhân với số có hai chữ số. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đề xuất được cách thực hiện phép nhân với số có hai chữ số.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận với bạn trong cách rút gọn phân số và tìm phân số tối giản.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ, trung thực, nghiêm túc trong học tập

- Nhân ái, tôn trọng, giúp đỡ bạn cùng tiến bộ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC**

**1. GV:** - Phiếu học tập

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

2. HS: Vở bài tập

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | |
| **1. Hoạt động mở đầu: Khởi động, kết nối**  *\* Mục tiêu:* Ôn lại cách thực hiện phép tính nhân với số có một chữ số (đã ôn lại ở bài trước.  *\* Cách tiến hành:* | | |
| - GV tổ chức trò chơi: “Vượt qua thử thách” để khởi động bài học.  - Cách chơi: - GV nêu tình huống thực tế liên quan đến nhân với số có hai chữ số.  - Một HS trong nhóm thực hiện tính và trả ời câu hỏi đặt ra. Nhóm nào giải quyết được nhiều tình huống, có nhiều phép tính đúng thì thắng cuộc.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS chơi trò chơi “Vượt qua thử thách” theo nhóm | |
| **2. Hoạt động thực hành, luyện tâp**  *\* Mục tiêu:* Vận dụng nhân với số có hai chữ số để giải các bài toán liên quan  *\* Cách tiến hành:* | | |
| **Bài 1: Tính**  - Mời HS nêu yêu cầu bài tập 1.  - Tổ chức làm bài cá nhân vào phiếu bài tập.  - Tổ chức trình bày, chia sẻ.  - GV chữa bài, hướng dẫn HS thực hiện nhân số có nhiều chữ số với số có hai chữ số, kể cả trong trường hợp có nhớ 2 lần.  **Bài 2: Đặt tính rồi tính**  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - GV nhận xét, chốt kết quả.  *- Lưu ý: Khi thực hiện nhân có nhớ, với những lượt nhân có kết quả bằng 10 hoặc vượt quá 10, viết số đơn vị và nhớ số chục sang lượt nhân tiếp theo.*  **Bài 3:**  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Mời HS trình bày, chia sẻ trước lớp  - GV nhận xét, chốt đáp án  *Khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em, viết câu lời giải rõ ràng theo cách suy nghĩ của mình.*  **3. Củng cố - nhận xét**  - Khi thực hiện nhân với số có hai chữ số ta cần lưu ý gì ?  - NX tiết học | | **-** 1 HS nêu yêu cầu  - HS làm bài cá nhân vào phiếu bài tập.  - Đổi phiếu kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.  - HS lắng nghe  **-** 1 HS nêu yêu cầu  - HS làm vào bảng con  - Đổi bảng kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.  - Chia sẻ lớp  **-** 1 HS nêu yêu cầu  - HS làm vào vở - 1 HS làm bảng phụ  - Đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.  - Chia sẻ lớp  - HS kiểm tra lại câu trả lời, phép tính, dạng toán này cần lưu ý gì khi thực hiện  - HS nêu  - HS lắng nghe |

**-------------------------------------------------------------**

**Toán**

**CÁC TÍNH CHẤT CỦA PHÉP NHÂN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Hiểu và vận dụng được các tính chất ( giao hoán, kết hợp, nhân với số 1, nhân với số 0 của phép nhân.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về tính chất của phép nhân đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Một số thẻ số rời, phiếu BT 1

**2. Học sinh**

- Bảng con.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Hoạt động mở đầu:**  **- Mục tiêu:** + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  **- Cách tiến hành:** | | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Cho HS dùng các thẻ số rời lập thành các phép tính tương ứng ( thẻ số 3, 4, 12, thẻ dấu =, x)  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới: *Với các thẻ số giống nhau ta có thể lập được hai phép tính có kết quả bằng nhau, vậy ta nói hai phép tính đó là hai phép tính bằng nhau. Trong toán học gọi đây là một tích chất. Tính chất là gì? Bài học hôm nay cô trò chúng ta cùng đi tìm hiểu về các tính chất của phép nhân qua bài 34 Các tính chất của phép nhân.* | - HS tham gia trò chơi  + Trả lời: 3 x 4 = 12  + Trả lời: 4 x 3 = 12  - HS lắng nghe. | |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:**  **- Mục tiêu:**  + Biết cách nhận diện các tính chất, thực hiện được các dạng toán khi áp dụng các tính chất  **- Cách tiến hành:** | | |
| - GV giới thiệu tính chất giao hoán của phép nhân.  + GV cho hs quan sát các phép tính của yêu cầu số 1.  - Gọi HS đọc phép tính nêu nhận xét của mình  - Yêu cầu khi đổi chỗ các thừa số của phép nhân 2 số thì ta nhận được gì?  - GV gọi một số cặp HS lên bảng thực hiện.  - Nhận xét, tuyên dương.  - GV chốt lại: *Cũng tương tự như tính chất giao hoán của phép cộng, với phép nhân cũng có tính chất này. Cụ thể, trong một phép tính tích, khi ta đổi chỗ các thừa số thì kết quả tích của chúng vẫn không thay đổi.*  Ta viết: **a × b = b × a**  - GV giới thiệu tính chất kết hợp.  -GV cho hs quan sát các phép tính thảo luận và tìm ra quy luật.  + Thực hiện phép tính như thế nào?  + Kết quả như thế nào khi thay đổi dấu ngoặc ở phép tính thứ 2?  + Thực hiện phép tính trên ta có thể phát biểu thành lời như thế nào?  -GV chốt lại. *Khi nhân một tích với 3 thừa số, trong đó thừa số thứ 3 ta có thể nhân với thừa số đầu tiên với tích của thừa số thứ hai và thứ ba.*  *Công thức như sau:****a x b x c = (a x b) x c = a x (b x c)***  -GV tổ chức cho học sinh thực hiện tìm ra cách “ Nhân với số 1, nhân với số 0”  + Nhân với số 1: Thực hiện phép tính bằng hai cách  + 6 x 1  + 1 x 6  -GV từ cách tính trên ta có thể nhận xét như thế nào về nhân với 1?  + Nhân với số 0  + 0 x 4  + 4 x 0  -Gv chốt: Các bài toán chúng ta vừa thực hiện để tìm ra quy luật gọi là tính chất. Vậy phép nhân có những tính chất nào? | | - 2-3 HS đọc.  - HS thực hiện theo cặp, nói cho nhau nghe về sự giống nhau của các phép tính.  - 2-3 cặp HS lên bảng thực hiện theo yêu cầu.  + Khi đổi chỗ các thừa số của phép nhân hai số thì kết quả không thay đổi.  - HS lắng nghe, nhắc lại  -Hs thảo luận nhóm 4  + Thực hiện như tính giá trị của biểu thức, khi trong biểu thức có dấu ngoặc.  + Kết quả của phép tính không thay đổi vẫn bằng 90  + Khi nhân một tích với số thứ 3, ta có thể nhân số thứ nhất với tích của sô thứ hai và thứ ba.  - Lớp quan sát và lắng nghe.  - Hs lên thực hiện .  + 6 x 1 = 6  + 1 x 6 = 1 + 1 + 1 + 1 + 1 + 1= 6  + Số nào nhân với 1 cũng bằng chính số đó.  -HS thực hiện  + 0 x 4 = 0 x 0 x 0 x 0 =0  + 4 x 0 = 0  + Số nào nhân với 0 cũng bằng 0.  - HS lắng nghe  + HS trả lời câu hỏi. |
| **3. Hoạt động Thực hành, luyện tập.**  **- Mục tiêu:**  + Thực hiện phép tính trong bài tập 1,2.  + Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về tính chất của phép nhân đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.  + Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.  **- Cách tiến hành:** | | |
| **Bài 1. Số (Làm việc cá nhân trên phiếu bài tập)**  -GV cho hs đọc yêu cầu của đầu bài  -GV hướng dẫn học sinh làm bài   |  |  | | --- | --- | | a) 12 x 4 = ... x 12  106 x 3 = 3 x ...  b) 7 x ... = 7  519 x ... = 0  ... x 0 = 0 | (17 x 5) x 2 = 17 x (5 x ...)  86 x 2 x 5 = 86 x (2 x ...)  432 x ... = 432  1 x ... = 0  ... x 1 =  3 456 |   -GV gọi hs chia sẻ kết quả bài tập và chia sẻ cách làm của mình với bạn  -GV nhận xét: Trong bài tập 1 ta áp dụng kiến thức như thế nào đề thực hiện?  Bài 2: Tính bằng cách thuận tiện nhất ( TM)  -GV cho hs đọc yêu cầu của bài  -GV hướng dẫn mẫu   |  |  | | --- | --- | | 35 x 2 x 5= 35 x ( 2 x 5)  = 35 x 10  = 350 | 25 x 4 x 92 = (25 x4) x 92  = 100 x 92  = 9200 |   -GV cho hs làm bài theo nhóm đôi vào vở   |  |  | | --- | --- | | a) 216 x 5 x 2  b) 4 x 76 x 25 | c) 5 x 19 x 2  d) 125 x 23 x 8 |   -GV mời các nhóm chia sẻ cách làm của mình  -GV chốt kiến thức: cô đồng tình với ý kiến của bạn. Ta dùng tính chất kết hợp để đưa về các tích 10,100, 1000 rồi thực hiện phép tính. Áp dụng tính chất nhân một số với 1.  Bài 3: *Một nhóm 5 người dự định đi dã ngoại trong 3 ngày. Mỗi ngày một người dự kiến mang theo 2kg đồ ăn uống. Hỏi nhóm người này cần mang theo bao nhiêu ki-lô-gam đồ ăn uống trong quá trình dã ngoại?*  -GV cho hs đọc yêu cầu của bài  -GV hướng dẫn hs tìm hiểu bài.  +Bài toán cho biết điều gì?  + Bài toán yêu cầu điều gì?  + Để giả bài toán này ta phải làm như thế nào?  + Vậy bài toán này ta làm mấy phép tính.  + Gv cho hs làm bài vào vở và bảng lớp  -GV chữa bài, chốt kiến thức áp dụng trong bài. | | -HS đọc yêu cầu của bài.  -HS lắng nghe. Hs làm bài vào phiếu bài tập  -Hs chia sẻ kết quả và cách làm bài   |  |  | | --- | --- | | a) 12 x 4 = 4 x 12  106 x 3 = 3 x 106  b) 7 x 1 = 7  519 x 0 = 0  123 x 0 = 0 | (17 x 5) x 2 = 17 x (5 x 2)  86 x 2 x 5 = 86 x (2 x 5)  432 x 1 = 432  1 x 0 = 0  3 456 x 1 = 3 456 |   -HS ở ý a khi thực hiện bào tập tớ nhó lại kiến thức về tính chất giao hoán và kết hợp để thực hiện.  Ý b tớ áp dụng số nào nhân với 1 cũng bằng số đó. Số nào nhân với 0 cũng bằng 0.    -HS đọc yêu cầu của bài  -Lắng nghe hs hướng dẫn mẫu  -HS làm bài theo nhóm  a) 216 x 5 x 2 = 216 x (5 x 2)                         = 216 x 10                         = 2 160  b) 4 x 76 x 25 = 76 x (4 x 25)                         = 76 x 100                         = 7 600  c) 5 x 19 x 2 = 19 x (5 x 2)                      = 19 x 10                      = 190  d) 125 x 23 x 8 = (125 x 8) x 23                          = 1 000 x 23                          = 23 000  -HS chia sẻ: để thực hiện được các phép tính bằng cách thuận tiện nhất em đã áp dụng tính chất kết hợp của phép nhân để thực hiện, em kết hợp các số có tích bằng 10, 100, 1000.. để thực hiện nhân nhẩm.  - Lắng nghe  -HS đọc yêu cầu của bài.  -HS lắng nghe và trả lời câu hỏi.  + *Một nhóm 5 người dự định đi dã ngoại trong 3 ngày. Mỗi ngày một người dự kiến mang theo 2kg đồ ăn uống.*  + *Hỏi nhóm người này cần mang theo bao nhiêu ki-lô-gam đồ ăn uống trong quá trình dã ngoại?*  + Ta có thể tính số kg đồ ăn có 5 người trong một ngày. Sau đó ta nhân với 3 ngày.  + Bài này ta có thể làm 2 phép tính. Cách 2 có thể dùng tính chất kết hợp của phép nhân để thực hiện bài giải  -HS làm bài  Bài giải  Nhóm người này cần mang theo số ki-lô-gam đồ ăn uống là :  (5 x 2) x 3 = 30 (kg)  Đáp số : 30 kg đồ ăn uống |
| **4. Vận dụng.**  **- Mục tiêu:**  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học xong bài học.  **- Cách tiến hành:** | | |
| **Bài 4:** *Một khu chung cư có 4 toà nhà, mỗi toà nhà dành ra 15 tầng để ở, mỗi tầng có 12 căn hộ. Hỏi* *khu chung cư này có bao nhiêu căn hộ để ở?* (Làm việc nhóm cả lớp)  **-** GV tổ chức cho HS thi giải nhanh tính đúng bài toán  - GV nhận xét, khen ngợi HS.  - Dặn HS chuẩn bị bài sau**.** | | - HS thi đua giải nhanh, tính đúng bài toán.  - HS trình bày.  Bài giải:  Khu chung cư này có số căn hộ để ở là  (12 x 15) x 4 = 720 (căn)  Đáp số : 720 căn hộ  - Cả lớp nhận xét. |

**Toán**

**LUYỆN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Thực hiện được các bài tập áp dụng nhân một số với một tổng, nhân một số với một hiệu.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về nhân một số với một tổng, nhân một số với một hiệu vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực các hoạt động học, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy (Bảng nhóm BT2).

**2. Học sinh**

- Bảng con.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu:**  **- Mục tiêu:**  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  **- Cách tiến hành:** | |
| - GV tổ chức trò chơi: “*Hộp quà bí mật* ” để khởi động bài học: Hs chọn một hộp quà và thực hiện theo yêu cầu  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới: Trong trò chơi vừa rồi các em đã được ôn tập về tính chất của phép nhân và phép cộng *Bài học hôm nay cô cùng các con luyện tập các bài tập về tính chất phép nhân và phép cộng : Bài 35: Luyện tập trang 83* | - HS tham gia trò chơi: “*Hộp quà bí mật*”.  - Lớp lắng nghe. |
| **2. Luyện tập:**  **- Mục tiêu:**  + Thực hiện được phép nhân với một tổng, nhân một số với một hiệu.  + Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.  **- Cách tiến hành:** | |
| **Bài 1. Tính**. (Làm việc cá nhân, nhóm)  - Gọi HS nêu yêu cầu bài tập.  ? Nêu cách thực hiện tính?  - GV lưu ý HS phép nhân một số với một tổng  *a) Tính và so sánh giá trị hai biểu thức sau:*  *5 x (4 + 3) và 5 x 4 + 5 x 3*  + Biểu thức trên ta thấy có mấy phép tính?  + Để so sánh được hai phép tính này ta phải làm gì?  -GV cho hs làm bài và nêu kết quả.  *b) Thảo luận nội dung và lấy ví dụ minh hoạ trong nhóm đôi*  *c) Tính:*   |  |  | | --- | --- | | *32 x (200 + 3)* | *(125 + 9) x 8* |   -GV mời các nhóm thực hiện bài theo nhóm đôi.    - GV mời một số nhóm chia sẻ kết quả thảo luận và cách thực hiện bài tập 1.  - GV kết luận và tuyên dương.  - GV kết luận  + Khi nhân một số với một tổng ta làm thế nào?  + Khi nhân một tổng với một số ta làm thế nào?  **Bài 2.** (Làm việc cá nhân)  - Gọi HS nêu yêu cầu bài tập.  ? Nêu cách thực hiện tính?  - GV lưu ý HS phép nhân một số với một hiệu  a) Tính và so sánh giá trị của hai biểu thức sau  6 x ( 7- 5) và 6 x 7 – 6 x 5  *b) Thảo luận nội dung và lấy ví dụ minh hoạ trong nhóm đôi*  *c) Tính:*   |  |  | | --- | --- | | *28 x ( 7 -2 )* | *(14 - 7) x 6* |   - GV mời một số hs chia sẻ kết quả thảo luận và cách thực hiện bài tập 2.  - GV kết luận và tuyên dương.  - GV kết luận  + Khi nhân một số với một hiệu ta làm thế nào?  + Khi nhân một hiệu với một số ta làm thế nào? | - 1-2 em nêu.  + HS nêu cách tính.  - HS lắng nghe.  -Hs lắng nghe và theo dõi giáo viên hướng dẫn,  + Biểu thức trên có 2 phép tính  + Tính kết quả và so sánh kết quả của hai phép tính  -HS thực hiện phép tính ra nháp  a)  5 x (4 + 3) = 5 x 7 = 35  5 x 4 + 5 x 3 = 20 + 15 = 35  Hai biểu thức 5 x (4 + 3) và 5 x 4 + 5 x 3 bằng nhau.  -HS thực hiện theo yêu cầu  -HS lắng nghe và thực hiện bài 1  b) Ví dụ:  4 x (6 + 7) = 4 x 6 + 4 x 7  = 24 + 28 = 52  (12 + 67) x 3 = 12 x 3 + 67 x 3  = 36 + 201 = 237  c)  32 x (200 + 3) = 32 x 200 + 32 x 3  = 6 400 + 96 = 6 496  (125 + 9) x 8 = 125 x 8 + 9 x 8  = 1 000 + 72 = 1 072  -Hs chia sẻ trước lớp cách làm bài tập 1  + Khi nhân một số với một tổng, ta có thể nhân số đó với từng số hạng của tổng, rồi cộng các kết quả với nhau.  + Khi nhân một số với một tổng, ta có thể nhân số đó với từng số hạng của tổng rồi cộng các kết quả với nhau.  -Hs thực hiện và trả lời câu hỏi  -Hs làm bài  a) Tính và so sánh giá trị của hai biểu thức sau  6 x ( 7- 5) và 6 x 7 – 6 x 5  + 6 x ( 7 – 5) = 6 x 2  =12  + 6 x 7 – 6 x 5 = 42 – 30  = 12  + Giá trị của phép tính không thay đổi.  *b) Thảo luận nội dung và lấy ví dụ minh hoạ trong nhóm đôi*  + Hs thảo luận nội dung và lấy vd  https://img.loigiaihay.com/picture/2023/0418/20_6.png  Ví dụ minh họa:  5 x (20 – 4) = 5 x 20 – 5 x 4  = 100 – 20  = 80  (27 – 9) x 2 = 27 x 2 – 9 x 2  = 54 – 18  = 36  *c) Tính:*   |  |  | | --- | --- | | *28 x ( 7 -2 )* | *(14 - 7) x 6* |   28 x (10 – 1) = 28 x 10 – 28 x 1                       = 280 – 28                       = 252  (100 – 1) x 36 = 100 x 36 – 1 x 36                          = 3 600 – 36                          = 3 564  -HS lắng nghe  + Khi nhân một số với một hiệu, ta có thể nhân số đó với số bị trừ và số trừ, rồi trừ hai kết quả cho nhau.  + Khi nhân một số với một hiệu, ta có  thể nhân số số bị trừ và số trừ với số đó, rồi trừ hai kết quả cho nhau |
| **3.** **Vận dụng.**  **- Mục tiêu:**  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học xong bài học.  **- Cách tiến hành:** | |
| **Bài 3** Minh đã giúp bác Phú tính số viên gạch ốp tường bếp theo hai cách dưới đây:   |  |  | | --- | --- | | Cách 1: (5 + 3) x 10  Cách 2: (4 + 6) x 8  Em hãy thảo luận về hai cách tính trên | https://img.loigiaihay.com/picture/2023/0418/20_7.png |   -GV cho hs đọc bài và trả lời câu hỏi. Để làm được bài toán này ta phải làm như thế nào?  + Hãy thảo luận về hai cách tính của bạn minh?  .    -GV nhận xét chữa bài  - Nhận xét tiết học. | -HS đọc bài  +Quan sát tranh để xác định cách bạn Minh tính số viên gạch + Hai cách tính của bạn Mình đều đúng.  Cách 1: Bạn Mình đếm trong 1 cột có 5 viên gạch màu cam và 3 viên gạch màu xanh và có tất cả 10 cột như thế. Vậy biểu thức tính là (5 + 3) x 10  Cách 2: Bạn Mình đếm mỗi hàng ngang có 4 viên gạch hoặc 6 viên gạch, có tất cả 8 hàng ngang như thế.  Vậy biểu thức tính là (4 + 6) x 8 |

**Toán**

**NHÂN MỘT SỐ VỚI 10, 100, 1000**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Biết cách thực hiện phép nhân với số tự nhiên với 10, 100, 1000

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng để tính nhanh, tính nhẩm khi nhân một số với 10, 100, 1000.. vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Phiếu BT1. Bảng con BT3

**2. Học sinh**

- Bảng con.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Hoạt động mở đầu:**  **- Mục tiêu:** + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  **- Cách tiến hành:** | | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Cho HS chơi trò chơi “ Ai nhanh, ai đúng”. Một bạn đặt phép tính một bạn ghi kết quả.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới: *Để thực hiện cách tính thuận tiện và tính nhanh ngoài những tính chất mà chúng ta đã học hôm nay cô trò chúng ta học sang một dạng bài mới là bài Bài 36: Nhân một số với 10, 100, 1000* | - HS tham gia trò chơi  + Trả lời: 30 x 4 = 120  + Trả lời: 400 x 3 = 1200  - HS lắng nghe. | |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:**  **- Mục tiêu:**  + Nhận diện được các phép tính nhân một số với 10, 100, 1000..,  **- Cách tiến hành:** | | |
| - GV giới thiệu phép nhân.  47 x 10 = ?  + GV cho hs quan sát phép tính và thực hiện làm bài tập vào nháp  -Nhận xét  + Gv cho hs thực hiện phép tính tương tự như ý a.  47 x 100  - GV chốt lại cách tính: Khi nhân số tự nhiên với 10,100,1000,... ta chỉ việc viết thêm một, hai, ba ... chữ số 00 vào bên phải số đó.  + Vậy khi nhân một số với 10, 100, 1000 ta làm như thế nào? | | - Hs thảo luận các làm bài  - HS thảo luận và làm bài:  - HS chia sẻ cách làm bài áp dụng tính chất giao hoán của phép nhân.  Nhẩm 1 chục x 47 = 47 chục = 470  Vậy 47 x 10 = 470.  + Khi nhân một số với 10 ta chỉ việc thêm chữ số 0 vào bên phải chữ số đó.  - HS thực hiện phép tính  47 x 100 = 100 x 47  Nhẩm 1 trăm x 47 = 47 trăm = 4700  Vậy 47 x 100 = 4700.  + Khi nhân một số với 100 ta chỉ việc thêm hai chữ số 0 vào bên phải chữ số đó  - HS lắng nghe, nhắc lại  + Khi nhân số tự nhiên với 10,100,  1000 ta chỉ việc viết thêm một, hai, ba ... chữ số 0 vào bên phải số đó. |
| **3. Hoạt động Thực hành, luyện tập.**  **- Mục tiêu:**  + Thực hiện được phép tính trong bài tập 1,2 3.  + Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về nhân số tự nhiên với 10,100,1000 đã học  vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.  + Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.  **- Cách tiến hành:** | | |
| **Bài 1. Tính nhẩm (Làm việc cá nhân trên phiếu bài tập)**  -GV cho hs đọc yêu cầu của đầu bài  -GV hướng dẫn học sinh làm bài   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | 5 x 10  5 x 100  5 x 1 000 | 32 x 10  32 x 100  32 x 1 000 | 183 x 10  183 x 100  183 x 1 000 | 307 x 10  560 x 100  105 x 1 000 |   -GV gọi hs chia sẻ kết quả bài tập và chia sẻ cách làm của mình với bạn  -GV nhận xét: Trong bài tập 1 ta áp dụng kiến thức như thế nào để thực hiện?  **Bài 2:** Vận dụng tính chất của phép tính nhân để tính nhẩm (theo mẫu)  -GV cho hs đọc yêu cầu của bài  -GV hướng dẫn mẫu  Mẫu 3 x 40 = 3 x 4 x10 = 12 x 10 = 120  -GV cho hs làm bài theo nhóm đôi vào vở   |  |  |  | | --- | --- | --- | | 3 x 50  3 x 200  3 x 4 000 | 2 x 80  4 x 300  3 x 7 000 | 9 x 70  5 x 300  6 x 2 000 |   -GV mời các nhóm chia sẻ cách làm của mình  -GV chốt kiến thức: cô đồng tình với ý kiến của bạn. Nhân số tự nhiên với 10,100,1000  ta chỉ việc viết thêm một, hai, ba ... chữ số 0 vào bên phải số đó.  **Bài 3:** Vận dụng các tính chất của phép nhân để tính nhẩm:  -GV cho hs đọc yêu cầu của bài  -GV hướng dẫn hs tìm hiểu bài.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | 20 x 70  40 x 40 | 300 x 40  600 x 30 | 2 000 x 30  3 000 x 60 |   -GV chữa bài, chốt kiến thức áp dụng trong bài.  **Bài 4:** *Một cửa hàng xếp các cuốn sổ ghi chép vào trong các thùng, mỗi thùng chứa 1 000 cuốn sổ. Hỏi 43 thùng như vậy chứa được tất cả bao nhiêu cuốn sổ ghi chép?*  - GV gọi học sinh đọc yêu cầu của bài.  - GV hướng dẫn học sinh làm bài.  + Bài toán cho biết gì?  + Bài toán hỏi gì?  + Để làm được bài toán này ta phải làm như thế nào?  -GV cho hs làm bài vào vở  -GV mới học sinh chia sẻ kết quả và cách làm  -GV nhận xét chốt lại kết quả đúng. | | -HS đọc yêu cầu của bài.  -HS lắng nghe. Hs làm bài vào phiếu bài tập   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | 5 x 10 = 50  5 x 100 = 500  5 x 1 000= 5000 | 32 x 10= 320  32 x 100 = 3200  32 x 1 000 = 32000 | | | | 183 x 10 = 1830  183 x 100 = 18300  183 x 1 000 = 183000 | | 307 x 10 = 3070  560 x 100 = 56000  105 x 1.000 =105000 |   -Hs chia sẻ kết quả và cách làm bài  + Nhân số tự nhiên với 10,100,1000  ta chỉ việc viết thêm một, hai, ba ... chữ số 0 vào bên phải số đó.  -HS đọc yêu cầu của bài  -Lắng nghe hs hướng dẫn mẫu  -HS làm bài theo nhóm  3 x 50 = 3 x 5 x 10 = 15 x 10 = 150  3 x 200 = 3 x 2 x 100 = 6 x 100 = 600  3 x 4 000 = 3 x 4 x 1000 = 12 x1000=12 000  2 x 80 = 2 x 8 x 10 = 16 x 10 =160  4 x 300 = 4 x 3 x 100= 12 x 100=1 200  3 x 7 000 = 3 x 7 x 1000= 21x 1000= 21 000  9 x 70 = 9 x 7 x 10 = 63 x 10 = 630  5 x 300 = 5 x 3 x 100= 15 x 100= 1 500  6 x 2 000 =6 x 2 x 1000= 12 x 1000= 12 000  -HS chia sẻ:  + Nhân số tự nhiên với 10,100,1000  ta chỉ việc viết thêm một, hai, ba ... chữ số 0 vào bên phải số đó.  - Lắng nghe  -HS đọc yêu cầu của bài.  -HS lắng nghe và trả lời câu hỏi.  -Hs làm bài  20 x 70 = 1 400  40 x 40 = 1 600  300 x 40 = 12 000  600 x 30 = 18 000  2 000 x 30 = 60 000  3 000 x 60 = 180 000  -HS đọc bài  -Lắng nghe  + *Mỗi thùng chứa 1 000 cuốn sổ*  *+Hỏi 43 thùng như vậy chứa được tất cả bao nhiêu cuốn sổ ghi chép*  *+ Ta lấy số sổ ở 1 thừng nhân với số thùng.*  -HS làm bài  ***Bài giải:***  43 thùng chứa được tất cả số cuốn sổ ghi chép là :  1 000 x 43 = 43 000 (cuốn)  Đáp số : 43 000 cuốn sổ ghi chép  -Hs chia sẻ trước lớp |
| **4. Vận dụng.**  **- Mục tiêu:**  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học xong bài học.  **- Cách tiến hành:** | | |
| **Bài 5:**  *Trò chơi tính nhẩm*  Bài 5(sgk tr.84)  **-** GV tổ chức cho HS thi giải nhanh tính đúng bài toán  - GV nhận xét, khen ngợi HS.  - Dặn HS chuẩn bị bài sau**.** | | - HS thi đua giải nhanh, tính đúng bài toán.  - HS trình bày.  23 x 100 = 2 300  12 x 10 = 120  826 x 100 = 82 600  95 x 1.000 = 95 000  - Cả lớp nhận xét. |

**Toán**

**LUYỆN TẬP CHUNG (2 Tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Rèn kĩ năng thực hiện phép nhân một số tự nhiên với 10,100, 1000,…; vận dụng để tính nhanh tính nhẩm.

- Biết cách và có kĩ năng nhân nhẩm một số có hai chữ số với 11.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, nắm vững cách thực hiện phép nhân một số tự nhiên với 10,100, 1000,…

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, chia sẻ nhóm về cách nhân nhẩm với 10, 100, 1000,…và nhân nhẩm một số có hai chữ số với 11.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đề xuất được các tình huống sử dụng nhân nhẩm với 10, 100, 1000, …và nhân nhẩm với 11 trong thực tế cuộc sống.

**3. Phẩm chất.**

- Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học.

- Yêu thích môn học, sáng tạo, có trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ học tập.

- Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Một số tình huống đơn giản có liên quan đến phép nhân với 10, 100, 1000,... và việc nhân nhẩm một số có hai chữ số với 11.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **TIẾT 1:**  **A. Hoạt động khởi động**  \* Mục tiêu: Tạo cảm xúc vui tươi, kết nối với bài học.  \* Cách thực hiện: | |
| - Cho HS chơi trò chơi “Vượt qua thử thách”.  - Cách chơi: GV nêu mỗi tình huống thực tế (đã chuẩn bị trước) liên quan đến phép nhân một số tự nhiên với 10, 100, 1000,…(VD: Một chuồng có 112 con gà. Vậy 10 chuồng có….con gà.)  - Mời 1HS lên điều khiển chơi, dưới lớp tham gia chơi theo nhóm. Đại diện học sinh trong nhóm trả lời.  -GV nhận xét trò chơi.  \* Giới thiệu bài : Các em đã học nhân nhẩm với 10, 100, 1000,…. Để các con nắm vững cách nhân nhẩm đã học và tìm hiểu cách nhân nhẩm với 11 như thế nào, chúng ta cùng vào tiết học Luyện tập chung  -GV ghi bảng | - HS nêu luật chơi.  - Học sinh tham chơi.  - Nhóm nào trả lời đúng nhiều hơn là nhóm thắng cuộc  - HS lắng nghe.  - HS ghi tên bài vào vở. |
| **B. Hoạt động thực hành, luyện tập**  \* Mục tiêu:  - Rèn kĩ năng thực hiện phép nhân một số tự nhiên với 10, 100, 1000,…vận dụng để tính nhanh, tính nhẩm.  - Rèn kĩ năng nhân với số có hai chữ số.  - Biết cách nhân nhẩm số có hai chữ số với 11.  \* Cách thực hiện: | |
| **Bài 1.**  - Gọi HS đọc đề bài 1.  + Bài 1 yêu cầu làm gì?  - Yêu cầu HS làm cá nhân  - Học sinh chia sẻ trước lớp (chia sẻ cặp đôi).  - Giáo viên gọi đại diện các cặp đôi báo cáo kết quả. GV chốt kết quả đúng.  - GV nhận xét kết quả, tuyên dương.  - Yêu cầu đổi chéo vở kiểm tra.  - GV chốt: Bài tập 1 nhắc lại cho con kiến thức gì?  - Em hãy nêu lại cách nhân nhẩm số có hai chữ số với 10, 100, 1000,…  *- GVKL: Các em vừa ôn lại cách nhân nhẩm một số tự nhiên với 10,100, 1000,…Để rèn kĩ năng nhân với số có hai chữ số, chúng ta cùng sang bài tập số 2.* | - HS đọc đề.  - HS trả lời.  - HS suy nghĩ làm cá nhân.  - HS hoạt động cặp đôi nói cho nhau nghe, sửa sai cho nhau, báo cáo giáo viên nếu không thống nhất được đáp án.  - Đại diện các cặp báo cáo kết quả.  52 x 10 =520 108 x 10=1080  52 x 100 = 5200 108 x 100=10800  52 x 100 = 52000 108 x 1000=108000  690 x 10 = 6900  690 x 100 = 69000  690 x 1000 = 690000  - HS đổi chéo vở kiểm tra.  - Nhân nhẩm một số tự nhiên với 10,100,1000,..  - HS nêu |
| **Bài 2:**  - Bài 2 yêu cầu em làm gì ?  - Yêu cầu hs làm bài cá nhân  - Chia sẻ trước lớp: GV gọi HS lên bảng trình bày trên bảng lớp.  - GV yêu cầu 1HS nêu các bước tính của phép tính vừa làm.  + Yêu cầu học sinh nêu cách tính  - Mời 1HS nêu các bước tính  + Ta cần lưu ý gì khi đặt tích riêng thứ hai? - GV nhận xét, tuyên dương  - GV yêu cầu HS nhận xét tích riêng ở phép tính 83 x 11  - GV nhận xét, tuyên dương.  **TIẾT 2** | - HS nêu: Đặt tính rồi tính  - HS làm bài vào vở BTT  - HS lên bảng làm bài, mỗi học sinh làm một phép tính.  - HS nêu: Thực hiện tính từ phải sang trái  - HS trả lời  - HS nêu: Hai tích riêng có các chữ số giống nhau chỉ khác về giá trị: Tích riêng thứ nhất là 83, tích riêng thứ hai là 83 chục, nếu viết đầy đủ là 830. |
| **Bài 3: Tính nhẩm**  - Gọi HS đọc bài 3.  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, quan sát cách làm của mẫu 27 x 11 và 48 x 11  - GV gọi đại diện các nhóm nêu cách nhẩm  - Cách nhân nhẩm 27 với 11:  + Bước 1:2 + 7 = 9  + Viết 9 giữa 2 chữ số của số 27 được 297.  - Vậy 27 x 11 = ?  - Yêu cầu HS nhân nhẩm 48 với 11.  - Yêu cầu HS nêu cách làm  - Yêu cầu HS phát hiện tổng hai chữ số ở số 27 và tổng hai chữ số của số 48 có gì khác nhau?  - Yêu cầu HS nêu cách nhẩm của từng trường hợp.  - GV yêu cầu HS làm bài  - GV yêu cầu HS nhẩm  - GV đưa kết quả đúng, yêu cầu HS đổi chéo vở kiểm tra.  - GVKL: Bài tập 3 giúp em biết thêm điều gì?  - GV nhận xét tuyên dương. | - HS đọc  - Học sinh thảo luận nhóm đôi, chia sẻ cách làm  - 1HS chia sẻ mẫu 1  - 1HS chia sẻ mẫu 2  - HS nêu  - HS nêu: Tổng hai chữ số của số 27 bằng 9. Tổng hai chữ số của 48 bằng 12, lớn hơn 9.  - HS nêu  - HS làm bài  - HS lần lượt nhẩm  - HSTL: Cách nhân nhẩm số có hai chữ số với 11. |
| **C. Hoạt động vận dụng**  \* Mục tiêu: Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến số đo dung tích  \* Cách thực hiện: | |
| **Bài 4**  -Yêu cầu HS đọc Bài 4.  + Trước đây bạn Nguyên mở vòi nước bao lâu?  + Hiện nay bạn mở vòi trong bao lâu?  - Yêu cầu hs làm bài Cá nhân-N4- 1hs làm bảng phụ chia sẻ trước lớp  \*Chốt: Bài tập 5 giúp em biết thêm điều gì?  + Chúng ta cần phải làm gì để tiết kiệm nước?  - Nhận xét tiết học  **\*Củng cố, dặn dò:**  - Qua bài học hôm nay em biết thêm điều gì? Những điều đó giúp ích gì cho các em trong cuộc sống hằng ngày?  - Chuẩn bị bài tiếp theo: | - HS đọc bài  - 20 giây  - 13 giây  - N4 trao đổi cách làm, giải thích vì sao.  - 1Hs chia sẻ trước lớp:   |  | | --- | | Trước đây số nước cần rửa ta là:  120 x 20 = 2400 (ml)  Hiện nay, số nước để Nguyên rửa tay là: 120 x 13 = 1560 (ml)  Số nước Nguyên tiết kiệm sau mỗi lần rửa tay là:  2400 – 1560 = 840 (ml)  Đáp số: 840l |   - Tắt vòi nước khi không sử dụng  - Phải chấp hành đúng nội dung các biển báo.  - HS nêu |